DANH SÁCH THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT

Thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường kết nối đường vành đai 4 (đoạn qua xã Tiên Sơn)

Địa điểm: Tại đồng Dung Chính, Dõng Hùm, Hồ, Lát thôn Thần Chúc và Đồng Bãi Đá thôn Hạ Lát, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

STT	Tên chủ sử dụng	Địa chỉ chủ sử dụng đất (thôn)	Số tờ bản đồ địa chính số	Số thửa	Diện tích bản đồ (m2)	DT thông báo thu hồi để thực hiện dự án (m2)	Diện tích ngoài chỉ giới (m2)	Loại đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Xứ đồng	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	Đỗ Thị Túc	Thần Chúc	15	105	483,0	69,8	413,2	LUC	Đất HGĐ	Dõng Chinh	
2	Đỗ Văn Oánh	Thần Chúc	15	103	48,2	12,0	36,2	LUC	Đất HGĐ	Dõng Chinh	
3	Nguyễn Văn Chính	Thần Chúc	15	102	93,2	24,4	68,8	LUC	Đất HGĐ	Dõng Chinh	
4	Nguyễn Văn Đương	Thần Chúc	15	104	87,3	18,6	68,7	LUC	Đất HGĐ	Dõng Chinh	
5	Nguyễn Văn Tâm + Nguyễn Văn Hùng	Thần Chúc	15	154	114,7	33,0	81,7	LUC	Đất HGĐ	Dõng Chinh	
6	Nguyễn Văn An	Thần Chúc	15	155	74,8	20,6	54,2	LUC	Đất HGĐ	Dõng Chinh	
7	Nguyễn Thị Vượng (Tám)	Thần Chúc	15	156	69,3	18,4	50,9	LUC	Đất HGĐ	Dõng Chinh	
8	Nguyễn Văn Hồng + Tỵ Thêm + Lan Kha + Đáp Đô	Thần Chúc	15	160	186,0	53,4	132,6	LUC	Đất HGĐ	Dõng Chinh	
9	Nguyễn Thị Quế	Thần Chúc	15	192	80,0	19,0	61,0	LUC	Đất HGĐ	Dõng Chinh	
10	Nguyễn Văn Sang	Thần Chúc	15	188	186,4	40,3	146,1	LUC	Đất HGĐ	Dõng Chinh	
11	Nguyễn Văn Mạnh + Nguyễn Thị Hữu	Thần Chúc	15	189	113,2	23,9	89,3	LUC	Đất HGĐ	Dõng Chinh	
12	Nguyễn Thị Lan (Hồng)	Thần Chúc	15	190	56,0	12,1	43,9	LUC	Đất HGĐ	Dõng Chinh	
13	Chu Thị Dũng	Thần Chúc	15	191	76,2	16,9	59,3	LUC	Đất HGĐ	Dõng Chinh	
14	Nguyễn Thị Bắc	Thần Chúc	15	279	100,3	21,3	79,0	LUC	Đất HGĐ	Dõng Chinh	
15	Phạm Văn Ninh (Thuận)	Thần Chúc	15	280	109,0	24,9	84,1	LUC	Đất HGĐ	Dõng Chinh	
16	Nguyễn Văn May (con gái Ninh thuận)	Thần Chúc	15	281	98,6	21,1	77,5	LUC	Đất HGĐ	Dõng Chinh	
17	Đỗ Trọng Khoa	Thần Chúc	15	282	129,9	29,6	100,3	LUC	Đất HGĐ	Dõng Chinh	
18	Nguyễn Văn Luyện (Hẹn)	Thần Chúc	15	303	191,2	40,1	151,1	LUC	Đất HGĐ	Dõng Chinh	
19	Nguyễn Thanh Bình	Thần Chúc	15	304	141,2	30,9	110,3	LUC	Đất HGĐ	Dõng Chinh	
20	Nguyễn Văn Biển	Thần Chúc	15	305	167,4	38,0	129,4	LUC	Đất HGĐ	Dõng Chinh	
21	Đỗ Văn Sơn	Thần Chúc	15	306	134,6	28,8	105,8	LUC	Đất HGĐ	Dõng Chinh	
22	Nguyễn Văn Thuyên (Học)	Thần Chúc	15	389	111,4	20,9	90,5	LUC	Đất HGĐ	Dõng Chinh	
23	Đỗ Văn Trình	Thần Chúc	15	390	242,7	47,4	195,3	LUC	Đất HGĐ	Dõng Chinh	

STT	Tên chủ sử dụng	Địa chỉ chủ sử dụng đất (thôn)	Số tờ bản đồ địa chính số	Số thửa	Diện tích bản đồ (m2)	DT thông báo thu hồi để thực hiện dự án (m2)	Diện tích ngoài chỉ giới (m2)	Loại đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Xứ đồng	Ghi chú
24	Nguyễn Văn Thuận	Thần Chúc	25	9	131,1	55,1	76,0	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
25	Nguyễn Văn Lịch	Thần Chúc	25	92	113,2	41,3	71,9	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
26	Nguyễn Văn Dùng	Thần Chúc	25	93	114,7	27,9	86,8	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
	Nguyễn Văn Dùng	Thần Chúc	25	94	177,9	39,3	138,6	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
27	Nguyễn Văn Thành	Thần Chúc	25	117	142,1	62,3	79,8	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
28	Lưu Văn Thanh	Thần Chúc	25	119	193,2	35,7	157,5	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
29	Nguyễn Ngọc Du	Thần Chúc	25	213	127,7	11,4	116,3	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
	Nguyễn Ngọc Du	Thần Chúc	25	214	128,4	12,5	115,9	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
	Nguyễn Ngọc Du	Thần Chúc	25	215	122,2	13,3	108,9	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
30	Đỗ Văn Thời	Thần Chúc	25	216	195,5	23,0	172,5	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
	Đỗ Văn Thời	Thần Chúc	25	217	125,7	12,9	112,8	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
31	Nguyễn Văn Lợi	Thần Chúc	25	218	145,9	13,9	132,0	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
32	Đỗ Văn Liên	Thần Chúc	25	219	355,8	52,5	303,3	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
33	Nguyễn Ngọc Đệ	Thần Chúc	25	264	275,4	24,2	251,2	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
34	Nguyễn Minh Hương	Thần Chúc	25	265	370,1	29,4	340,7	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
35	Nguyễn Văn Huy	Thần Chúc	25	266	158,0	13,9	144,1	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
36	Lưu Văn Sự	Thần Chúc	25	267	59,3	5,5	53,8	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
37	Lưu Văn Cẩm	Thần Chúc	25	268	218,2	20,1	198,1	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
38	Nguyễn Thị Hường	Thần Chúc	25	338	323,0	37,0	286,0	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
39	Nguyễn Văn Lộc	Thần Chúc	25	339	250,2	27,0	223,2	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
40	Nguyễn Văn Yên	Thần Chúc	25	340	166,1	16,8	149,3	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
41	Lưu Văn Sự	Thần Chúc	25	341	149,1	18,2	130,9	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
42	Nguyễn Văn Tâm (Thục)	Thần Chúc	25	398	256,8	36,4	220,4	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
43	Nguyễn Văn Xuất	Thần Chúc	25	400	157,8	21,6	136,2	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
44	Nguyễn Ngọc Chuyền	Thần Chúc	25	401	151,9	20,2	131,7	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
45	Nguyễn Thị Hiên	Thần Chúc	25	402	204,3	13,4	190,9	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
46	Nguyễn Ngọc Hùng	Thần Chúc	25	405	235,3	16,4	218,9	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
47	Nguyễn Văn Thuỷ	Thần Chúc	25	407	420,0	33,5	386,5	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
48	Nguyễn Văn Long	Thần Chúc	25	443	139,8	0,9	138,9	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	

STT	Tên chủ sử dụng	Địa chỉ chủ sử dụng đất (thôn)	Số tờ bản đồ địa chính số	Số thửa	Diện tích bản đồ (m2)	DT thông báo thu hồi để thực hiện dự án (m2)	Diện tích ngoài chỉ giới (m2)	Loại đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Xứ đồng	Ghi chú
49	Đỗ Văn Hoàn	Thần Chúc	25	444	147,2	13,5	133,7	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
50	Đỗ Văn Diện	Thần Chúc	25	445	170,8	14,3	156,5	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
51	Đỗ Văn Diện	Thần Chúc	25	446	158,0	12,7	145,3	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
52	Nguyễn Thị Minh (Hương)	Thần Chúc	25	447	89,8	16,2	73,6	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
53	Đỗ Văn Minh	Thần Chúc	25	449	45,7	17,0	28,7	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
54	Lưu Thế Đáp	Thần Chúc	25	635	78,3	1,6	76,7	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
55	Lưu Văn Sử	Thần Chúc	25	634	241,6	36,6	205,0	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
56	Lưu Văn Thanh (Luyện)	Thần Chúc						LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
57	Nguyễn Minh Hương	Thần Chúc						LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
58	Đỗ Văn Thời	Thần Chúc	25	633	81,5	10,5	71,0	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
59	Lưu Văn Giảng	Thần Chúc	25	632	53,5	5,7	47,8	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
60	Nguyễn Văn Lăng	Thần Chúc	25	546	134,4	12,0	122,4	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
61	LưuThế Lữ	Thần Chúc	25	548	304,9	66,2	238,7	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
	Lưu Thế Lữ	Thần Chúc	25	549	262,0	65,6	196,4	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
62	Lưu Văn Khiết	Thần Chúc	25	516	284,6	67,3	217,3	LUC	Đất HGĐ	Dõng Hùm	
63	Nguyễn Văn Kỳ	Thần Chúc	34	158	382,1	162	220,1	LUC	Đất HGĐ	Lát (Hồ)	
64	Chu Thị Vinh (Cường)	Thần Chúc	34	255	400,7	0,4	400,3	LUC	Đất HGĐ	Lát (Hồ)	
65	Nguyễn Thị Chiến	Thần Chúc	34	330	228,4	61,4	167,0	LUC	Đất HGĐ	Lát (Hồ)	
66	Nguyễn Văn Viên	Thần Chúc	34	331	44,7	0,4	44,3	LUC	Đất HGĐ	Lát (Hồ)	
67	Nguyễn Thị Khoa	Thần Chúc	34	332	161,1	60,9	100,2	LUC	Đất HGĐ	Lát (Hồ)	
68	Nguyễn Văn Phương	Thần Chúc	34	333	132,2	108,6	23,6	LUC	Đất HGĐ	Lát (Hồ)	
	Nguyễn Văn Phương	Thần Chúc	34	334	62,7	30,4	32,3	LUC	Đất HGĐ	Lát (Hồ)	
69	Chu Thị Vinh (Cường)	Dĩnh Sơn	34	263	256,8	93,8	163,0	LUC	Đất HGĐ	Lát (Hồ)	Các hộ dân thôn Dĩnh Sơn, xã Trung Sơn SD đất xâm canh
	Chu Thị Vinh (Cường)	Dĩnh Sơn	34	160	407,1	155,9	251,2	LUC	Đất HGĐ	Lát (Hồ)	
70	Nguyễn Thị Ngọc	Dĩnh Sơn	34	161	215,3	62,8	152,5	LUC	Đất HGĐ	Lát (Hồ)	
71	Nguyễn Văn Đoàn	Dĩnh Sơn	34	162	678,9	16,8	662,1	LUC	Đất HGĐ	Lát (Hồ)	
	Nguyễn Văn Đoàn	Dĩnh Sơn	34	253	239,2	76,3	162,9	LUC	Đất HGĐ	Lát (Hồ)	
72	Chu Thị Vinh (Cường)	Dĩnh Sơn	34	254	316,4	181,7	134,7	LUC	Đất HGĐ	Lát (Hồ)	
	Chu Thị Vinh (Cường)	Dĩnh Sơn	34	264	280,5	122,1	158,4	LUC	Đất HGĐ	Lát (Hồ)	
73	Dương Trọng Núi + Hoàng Thị Lan (Quang)	Hạ Lát	34	335	554,8	13,5	541,3	LUC	Đất HGĐ	Lát (Hồ)	

STT	Tên chủ sử dụng	Địa chỉ chủ sử dụng đất (thôn)	Số tờ bản đồ địa chính số	Số thửa	Diện tích bản đồ (m2)	DT thông báo thu hồi để thực hiện dự án (m2)	Diện tích ngoài chỉ giới (m2)	Loại đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Xứ đồng	Ghi chú
74	Nguyễn Ngọc Thực	Hạ Lát	35	137	170,1	7,0	163,1	LUC	Đất HGĐ	Bãi Đá	
75	Nguyễn Ngọc Thi	Hạ Lát	35	138	142,2	16,8	125,4	LUC	Đất HGĐ	Bãi Đá	
76	Nguyễn Ngọc Đoàn	Hạ Lát	35	204	210,1	31,2	178,9	LUC	Đất HGĐ	Bãi Đá	
77	Thân Thị Lượt	Hạ Lát	35	202	88,8	33,0	55,8	LUC	Đất HGĐ	Bãi Đá	
78	Nguyễn Ngọc Đà	Hạ Lát	35	231	43,2	21,6	21,6	LUC	Đất HGĐ	Bãi Đá	
	Nguyễn Ngọc Đà	Hạ Lát	35	207	177,7	22,4	155,3	LUC	Đất HGĐ	Bãi Đá	
79	Nguyễn Ngọc Hùng	Hạ Lát	35	232	126,4	8,5	117,9	LUC	Đất HGĐ	Bãi Đá	
80	Nguyễn Ngọc Mai	Hạ Lát	35	261	480,0	13,0	467,0	LUC	Đất HGĐ	Bãi Đá	
81	Nguyễn Văn Hòa (Phẩm)	Hạ Lát	35	230	181,2	32,4	148,8	LUC	Đất HGĐ	Bãi Đá	
82	Nguyễn Văn Khoa (Phúc)	Hạ Lát	35	227	125,6	22,3	103,3	LUC	Đất HGĐ	Bãi Đá	
83	Doãn Thị Mai	Hạ Lát	35	205	79,6	23,0	56,6	LUC	Đất HGĐ	Bãi Đá	
84	Nguyễn Ngọc Kết	Hạ Lát	35	206	237,9	14,4	223,5	LUC	Đất HGĐ	Bãi Đá	
85	Nguyễn Ngọc Sáng	Hạ Lát	35	209	140,4	12,1	128,3	LUC	Đất HGĐ	Bãi Đá	
86	UBND xã	Thần Chúc	25	523	98,8	4,5	94,3	DTL	Đất thủy lợi	Dõng Hùm	
	UBND xã	Thần Chúc	25	337	80,1	3,6	76,5	DTL	Đất thủy lợi	Dõng Hùm	
	UBND xã	Thần Chúc	15	57	107,1	7,2	99,9	DGT	Đất giao thông	Dõng Chinh	
	UBND xã	Thần Chúc	34	65	674	41,7	632,3	DGT	Đất giao thông	Lát (Hồ)	
Tổng					**18.279,7**	**3.201,9**	**15.077,8**				